



Mizuho Bank, Ltd. - Hanoi Branch ("Remitting Bank")
 63 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam
 Tel: 84-24-39363123/4 Fax: 84-24-38266665 Swift Code: MHC BVNVX
 Mizuho Bank, Ltd. - Ho Chi Minh City Branch ("Remitting Bank")
 18th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Tel: 84-28-38278260/92 Fax: 84-28-3821 9160 Swift Code: MHC BVNVX HCM

**DOMESTIC
 REMITTANCE APPLICATION**
 (LỆNH CHUYỂN TIỀN NỘI ĐỊA)

REF. (Số tham chiếu):
 MTO
 HPR

PLEASE FILL IN BOLD FRAMES ONLY / Xin vui lòng chỉ điền vào trong khung đậm

VALUE DATE (Ngày giá trị)		AMOUNT OF REMITTANCE (Số tiền chuyển đi)	OR EQUIVALENT TO (Hoặc tương đương với)
CURRENCY (Loại tiền)			
CCY & AMT IN WORDS (Loại tiền và số tiền bằng chữ)			
BENEFICIARY'S BANK NAME & ADDRESS (Tên, địa chỉ ngân hàng hưởng)	CITY (TP):	COUNTRY (Quốc):	SWIFT CODE:
BENEFICIARY'S A/C NO. (Số tài khoản người hưởng)			
BENEFICIARY'S NAME & ADDRESS (Tên, địa chỉ người hưởng)			
MESSAGE TO BENEFICIARY (Nội dung thanh toán)			
DETAILS OF BANKS' CHARGES (Chi tiết phí ngân hàng)	BEN (Beneficiary bears all banks' charges include Remitting Bank's charges - Người thu hưởng chịu tất cả các loại phí, bao gồm cả phí của Ngân Hàng Chuyển Tiền) SHA (Applicant bears Remitting Bank's charges only - Người chuyển tiền chỉ chịu phí của Ngân Hàng Chuyển Tiền) OUR (Applicant bears all banks' charges - Người chuyển tiền chịu tất cả các loại phí)		

IN SETTLEMENT (Thanh toán)	PLEASE DEBIT (Đề nghị ghi nợ)		OTHER (Khác)
FOR REMITTED AMOUNT (Cho số tiền chuyển đi)	A/C NO./Tài khoản số:	CUSTODIAN A/C (T/K giữ hộ)	
FOR BANKS' CHARGES (Cho phí Ngân hàng)	Apply for option "SHA" and "OUR" only (Chỉ áp dụng cho lựa chọn "SHA" và "OUR")		
	THE ABOVE A/C (Tài khoản trên)	OR A/C NO.: (Hoặc tài khoản số)	

1. I/WE COMMIT THIS APPLICATION RESPECTS ALL APPLICABLE LAWS AND REGULATIONS INCLUDING BUT NOT LIMITED TO REGULATIONS ON FOREIGN TRADE AND FOREIGN EXCHANGE CONTROLS OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM. I/WE ABSOLVE YOU FROM ALL CLAIMS WHATEVER WHICH MAY BE MADE AGAINST YOU IN RESPECT OF THIS REQUEST AND FROM ALL RESPONSIBILITY IN THE EVENTS OF WRONG TRANSMISSION AND/OR DELAY IN TRANSMISSION AND PAYMENT, OF ANY OTHER CONSEQUENCES ARISING FROM CAUSES BEYOND YOUR CONTROL.

2. IN SOME CIRCUMSTANCES THAT MY/OUR CANCELLATION OF REMITTANCE IS ACCEPTED BY YOU, I/WE SHALL BE LIABLE FOR ALL COSTS AND EXPENSES, INCURRED BY YOU AND/OR YOUR CORRESPONDENTS IN GIVING EFFECT TO THE CANCELLATION AND SUCH COSTS AND EXPENSES SHALL BE DEDUCTED FROM THE AMOUNT TO BE REFUNDED TO ME/ US (OR BE CALCULATED AT YOUR THEN CURRENT BUYING RATE FOR THE CURRENCY OF THE RELEVANT REMITTANCE AT THE TIME OF REFUND).

3. ALL OTHER COSTS, EXPENSES AND CHARGES ARISING FROM THE ABOVE ARE TO BE BORNE BY ME/ US.

1. Tôi / Chúng tôi cam kết lệnh chuyển tiền này tuân thủ mọi qui định của pháp luật áp dụng đối với giao dịch chuyển tiền này bao gồm nhưng không giới hạn ở qui định quản lý ngoại thương và ngoại hối của nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tôi / Chúng tôi miễn cho Ngân hàng khỏi bất kỳ một khiếu nại nào có thể phát sinh đối với Ngân hàng liên quan đến lệnh chuyển tiền này và Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp chuyển tiền sai và/ hoặc chậm thanh toán do các nguyên nhân không thuộc khả năng kiểm soát của Ngân hàng.

2. Trong một số trường hợp khi việc hủy lệnh chuyển tiền của Tôi/ Chúng tôi được Ngân hàng chấp nhận, Tôi/ Chúng tôi sẽ chịu toàn bộ chi phí mà Ngân hàng và các đơn vị thanh toán trung gian liên quan đến việc hủy lệnh chuyển tiền này phải gánh chịu và tất cả các khoản chi phí này sẽ được khấu trừ vào số tiền được trả lại cho Tôi / Chúng tôi (hoặc sẽ được tính theo tỷ giá mua và vào đối với ngoại tệ của lệnh chuyển tiền của Ngân hàng vào thời điểm số tiền được trả lại).

3. Mọi chi phí khác phát sinh từ các điều khoản trên đều do Tôi/ Chúng tôi chịu.

ACCOUNT NAME (Tên tài khoản)	
Tel: (ĐT)	Contact person: (Người liên hệ)

AUTHORIZED SIGNATURE(S) (Chữ ký thẩm quyền) CORPORATE SEAL IF ANY (Dấu công ty nếu có)	

For bank's use only (Phần dành cho Ngân hàng)

CALLED THE REGISTERED NUMBER AND CONFIRMED:

1. Value date:
2. Date / Time:
3. With Mr. / Ms. :
4. Other info - if any
5. PV Info-if any:
* PV No.:
* Expected completion date:
* Execution date (if # confirmed date):
6. Confirmed by:

APPROVED (Phê duyệt)	CHECKED (Kiểm tra)	SIGNATURE VERIFIED (Xác thực chữ ký)	RECEIVED (Người nhận)

FX REF.: (Số tham chiếu giao dịch ngoại tệ)		AML CHECKED (Đã kiểm tra tuân thủ với quy định phòng chống rửa tiền)	
MADE (Thực hiện)	APPROVED (Phê duyệt)	MADE (Thực hiện)	APPROVED (Phê duyệt)

P/O DISPATCH (Gửi điện)	BOOKING/Hạch toán		
	APPROVED (Phê duyệt)	CHECKED (Kiểm tra)	MADE (Thực hiện)